

BÁO CÁO

**Tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011 – 2015
và 9 tháng 2016, giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa
doanh nghiệp nhà nước giai đoạn tới**

Kính gửi: Quốc hội.

Triển khai Kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa XI của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”, trong đó cổ phần hóa được xác định là một trong những biện pháp trọng tâm để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Thực hiện yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ xin báo cáo tình hình cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2011 – 2015 và 9 tháng 2016, giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN giai đoạn tới, cụ thể như sau:

1. Về cơ chế cổ phần hóa DNNN

Giai đoạn 2011 – 2015, cơ chế chính sách về cổ phần hóa DNNN đã được Chính phủ ban hành đầy đủ, đồng bộ và được điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tiễn giúp hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2011 - 2015 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong giai đoạn này, Chính phủ đã ban hành 03 Nghị định về cổ phần hóa DNNN (Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015) theo hướng thực hiện công khai, minh bạch quá trình cổ phần hóa, tăng cường sự kiểm tra, giám sát của các đối tượng tham gia, thực hiện nguyên tắc thị trường trong định giá và bán đấu giá cổ phần, hướng dẫn cụ thể xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính khi cổ phần hóa, hạn chế tối đa khả năng thất thoát

vốn và tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa, thực hiện phân cấp và quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong cổ phần hóa.

Về tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Quyết định về tiêu chí, danh mục phân loại DNNN (Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg ngày 04/3/2011 và Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014) làm cơ sở để các Bộ, ngành, địa phương, các DNNN xây dựng phương án cổ phần hóa DNNN theo hướng đẩy mạnh cổ phần hoá, giảm số lượng doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối, chỉ duy trì DNNN trong những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế và các lĩnh vực mà doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân không tham gia.

2. Kết quả cổ phần hóa DNNN

a) Tình hình cổ phần hóa giai đoạn 2011 – 2015 và 9 tháng 2016

- Trong giai đoạn 2011 – 2015 cả nước đã cổ phần hóa 508 doanh nghiệp (danh sách kèm theo) với tổng giá trị thực tế doanh nghiệp là 760.774 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 188.274 tỷ đồng, cụ thể:

+ Năm 2011 cổ phần hóa 14 doanh nghiệp với tổng giá trị thực tế doanh nghiệp là 431.568 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 60.350 tỷ đồng;

+ Năm 2012 cổ phần hóa 26 doanh nghiệp với tổng giá trị thực tế doanh nghiệp là 5.758 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 2.493 tỷ đồng;

+ Năm 2013 cổ phần hóa 73 doanh nghiệp với tổng giá trị thực tế doanh nghiệp là 25.963 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 8.199 tỷ đồng;

+ Năm 2014 cổ phần hóa 175 doanh nghiệp với tổng giá trị thực tế doanh nghiệp là 139.465 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 45.520 tỷ đồng;

+ Năm 2015 cổ phần hóa 220 doanh nghiệp với tổng giá trị thực tế doanh nghiệp là 158.017 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 71.709 tỷ đồng.

Tổng vốn điều lệ theo phương án được phê duyệt của 508 doanh nghiệp là 197.217 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 128.031 tỷ đồng (bằng 65%); Nhà đầu tư chiến lược nắm giữ 31.065 tỷ đồng (bằng 15,8%); Người lao động nắm giữ 4.042 tỷ đồng (bằng 2%); Tổ chức công đoàn nắm giữ 1.124 tỷ đồng (bằng 0,5%); bán công khai 32.931 tỷ đồng (bằng 16,7%).

- Trong 09 tháng năm 2016 đã có 49 doanh nghiệp (danh sách kèm theo) được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa, với tổng giá trị thực tế doanh nghiệp là 31.938 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 23.289 tỷ đồng.

Theo phương án cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì vốn điều lệ của 49 đơn vị là 23.030 tỷ đồng, trong đó nhà nước nắm giữ 11.100 tỷ đồng, bán cho nhà đầu tư chiến lược 7.473 tỷ đồng, bán cho người lao động 343,6 tỷ đồng, tổ chức công đoàn 6,7 tỷ đồng, số lượng cổ phần bán đấu giá công khai là 4.105 tỷ đồng.

b) Tình hình triển khai bán cổ phần lần đầu

Trong số 557 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa trong giai đoạn từ 2011 đến hết tháng 9/2016 đã có 426 doanh nghiệp triển khai xong việc bán cổ phần lần đầu, trong đó 254 doanh nghiệp bán cổ phần theo phương án được duyệt (đạt 60% tổng số doanh nghiệp đã bán cổ phần), còn 172 doanh nghiệp không bán được toàn bộ số cổ phần theo phương án cổ phần hóa (chiếm 40% tổng số doanh nghiệp đã bán cổ phần), với tổng giá trị cổ phần bán ra (tính theo mệnh giá) là 34.911 tỷ đồng, thu được 43.475 tỷ đồng, chênh lệch tăng 8.563 tỷ đồng, các doanh nghiệp còn lại đang tiến hành các bước để bán cổ phần lần đầu.

- Sau khi bán cổ phần lần đầu, tổng giá trị vốn điều lệ của 426 doanh nghiệp là 184.254 tỷ đồng (giảm 1.530 tỷ đồng so với số vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa đã được duyệt), trong đó Nhà nước tiếp tục nắm giữ 149.342 tỷ đồng (chiếm 81,1% vốn điều lệ); Nhà đầu tư chiến lược nắm giữ 13.494 tỷ đồng (chiếm 7,3% vốn điều lệ); Người lao động nắm giữ 2.964 tỷ đồng (chiếm 1,6% vốn điều lệ); Tổ chức công đoàn nắm giữ 1.171 tỷ đồng (chiếm 0,6% vốn điều lệ); Các nhà đầu tư khác nắm giữ qua việc bán đấu giá công khai 17.281 tỷ đồng (chiếm 9,4% vốn điều lệ).

- Tỷ lệ nắm giữ phần vốn nhà nước tại 426 doanh nghiệp thực hiện bán cổ phần lần đầu như sau:

+ 70 doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 90% vốn điều lệ, bao gồm 15 Tập đoàn và Tổng công ty, trong đó có Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Nhà nước nắm giữ 94,99% vốn điều lệ), Tổng công ty Thép Việt Nam (Nhà nước nắm giữ 93,6% vốn điều lệ), Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Nhà nước nắm giữ 95,5% vốn điều lệ), Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (Nhà nước nắm giữ 92,5% vốn điều lệ), Tổng công ty Lilama (Nhà nước nắm giữ 98% vốn điều lệ), Tổng công ty Viglacera (Nhà nước nắm giữ 93% vốn điều lệ).

+ 82 doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ; 96 doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 156 doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ; 22 doanh nghiệp cổ phần hóa cùng công ty mẹ.

3. Nhận xét, đánh giá tình hình cổ phần hóa DNNN

a) Những kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2011 - 2015 và 9 tháng năm 2016, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước đã tích cực thực hiện đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng:

- Hệ thống DNNN đã và đang được đổi mới, sắp xếp, thu gọn, từ chỗ năm 2010 còn gần 1.500 DNNN, sau khi tích cực thực hiện cổ phần hóa, số DNNN tính đến hết năm 2015 còn 652 doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực then chốt, đảm bảo cân đối vĩ mô cho nền kinh tế, công ích, an ninh, quốc phòng.

- Công tác cổ phần hoá đã góp phần tái cơ cấu nguồn nhân lực cho doanh nghiệp và xã hội. Các doanh nghiệp đã tự cơ cấu lại toàn bộ nguồn nhân lực của mình thông qua phương án sắp xếp lao động khi cổ phần hóa, lao động dôi dư ở các đơn vị sắp xếp, cổ phần hóa tiếp tục được hưởng chính sách trợ cấp; được hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại nghề. Nguồn nhân lực của xã hội đã được cơ cấu lại để sử dụng một cách hợp lý và có hiệu quả hơn, đồng thời vẫn duy trì và đảm bảo ổn định an sinh xã hội.

- Công tác cổ phần hóa đã góp phần thúc đẩy phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Hiện nay, đa số các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán là các công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước (khoảng 450/700 doanh nghiệp niêm yết). Phương thức quản lý, quản trị tại doanh nghiệp đã được tái cấu trúc qua quá trình cổ phần hóa, việc niêm yết trên thị trường chứng khoán đã nâng cao tính công khai, minh bạch, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp, tăng cường sự giám sát của xã hội đối với hoạt động của doanh nghiệp, do đó đã tạo được niềm tin đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán đã làm tăng khả năng huy động vốn, mở rộng thị trường, thay đổi phương thức quản lý, tổ chức sản xuất, công nghệ, giúp các doanh nghiệp tiếp tục mở rộng phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Cổ phần hóa DNNN đã làm thay đổi quản trị doanh nghiệp từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Những đổi mới mạnh mẽ về chủ trương chính sách và hệ thống pháp luật kinh doanh đã tạo hành lang pháp lý và môi trường

kinh doanh thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động, đồng thời với việc tăng cường tính công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Cổ phần hóa đã góp phần quan trọng trong việc đổi mới sắp xếp doanh nghiệp, hình thành các doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, tạo ra động lực để phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Bên cạnh đó tăng cường việc kiểm tra, giám sát của các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp đã có ý nghĩa thiết thực trong việc đổi mới phương thức quản lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Quản trị doanh nghiệp được đổi mới, thể hiện qua các khâu như vật tư và tài chính, lao động, tổ chức, thiết bị, khoa học công nghệ.

- Hầu hết các DNNN sau khi cổ phần hóa đã tuân thủ quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán như các công ty đại chúng khác. Cụ thể:

+ Các doanh nghiệp đều xây dựng điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trong đó 79% doanh nghiệp sử dụng điều lệ mẫu (Điều lệ mẫu tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính không mang tính chất bắt buộc) và xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty.

+ Về Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 97%-99% các doanh nghiệp có số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng quy định.

- Theo số liệu báo cáo của các DNNN đã cổ phần hóa giai đoạn 2011-2015, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2015 đều tăng hơn so với năm trước khi cổ phần hóa, cụ thể: vốn điều lệ tăng 72%; tổng tài sản tăng 39%; vốn chủ sở hữu tăng 60%; doanh thu tăng 29%; lợi nhuận trước thuế tăng 49%; nộp ngân sách tăng 27%; thu nhập bình quân của người lao động tăng 33%.

- Việc hình thành Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) để thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá theo đúng định hướng chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Mô hình hoạt động của SCIC đã bước đầu thể hiện những thế mạnh so với cơ chế chủ quản hành chính trước đây; thực hiện phương thức đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước, đồng thời hỗ trợ cho quá trình tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hóa DNNN; công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp và tái cơ cấu được SCIC thực hiện thông qua hệ thống người đại diện kết hợp với trực tiếp quản trị danh mục, tình hình doanh nghiệp, đặc biệt là tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của doanh nghiệp được SCIC giám sát chặt chẽ. Bước đầu đã triển khai có hiệu quả mô hình vừa đại diện chủ sở hữu, vừa thực hiện đầu tư, kinh doanh vốn nhà

nước, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, gắn với thị trường.

- Trong thời gian qua, Công ty TNHH một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã khẳng định được vai trò là công cụ của Chính phủ để hỗ trợ cho quá trình tái cơ cấu, sắp xếp, cổ phần hóa DNNN thông qua 03 hoạt động chủ yếu là: xử lý nợ gắn với tái cơ cấu DNNN; tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ tại các DNNN thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa; xử lý nợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phát hành các công cụ nợ có bảo lãnh của Chính phủ. Hoạt động mua bán, xử lý nợ gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp giúp các doanh nghiệp phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo thu nhập và việc làm ổn định cho hàng vạn lao động tại các doanh nghiệp; tăng nguồn thu cho ngân sách và ổn định tình hình kinh tế - an sinh xã hội tại các địa phương... Thông qua xử lý nợ, tái cơ cấu doanh nghiệp, DATC đã góp phần đẩy nhanh công tác sắp xếp, cổ phần hóa DNNN. Hiệu quả hoạt động kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu của DATC có xu hướng gia tăng qua các năm mặc dù hoạt động mua, bán nợ là hoạt động đặc thù, có tính rủi ro cao. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước giao.

b) Một số tồn tại

- Tiến độ sắp xếp, cổ phần hoá đã được các Bộ, địa phương đẩy mạnh nhưng vẫn còn một số Bộ, địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu và kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ vốn Nhà nước ở các công ty cổ phần còn cao do lượng cổ phần chào bán ra công chúng đạt thấp so với phương án cổ phần hóa doanh nghiệp. Mặt khác, số lượng doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối khi cổ phần hóa còn lớn nên làm giảm mức độ hấp dẫn tham gia của nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư lớn, chuyên nghiệp và là rào cản của quá trình đổi mới quản trị doanh nghiệp.

- Cơ chế cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước hiện nay đã bộc lộ một số điểm cần phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh cho phù hợp với thực tiễn như: cần tăng cường kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp 100% vốn thuộc các Tập đoàn, Tổng công ty có quy mô lớn, rà soát lại cơ chế bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược tránh lợi dụng (đặc biệt là hạn chế phương thức bán thỏa thuận), rà soát việc xác định giá trị đất đai trong doanh nghiệp cổ phần hóa cho phù hợp với Luật Đất đai năm 2013; việc thoái vốn nhà nước ở các doanh nghiệp đã cổ phần hóa có gắn với quyền sử dụng đất cần phải được điều chỉnh, hoàn thiện để tránh thất thoát vốn nhà nước.

- Việc bàn giao các doanh nghiệp đã cổ phần hóa về SCIC còn chậm, việc thoái vốn, giảm tỷ lệ vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp theo tiêu chí phân loại DNNN chậm được triển khai. Việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa còn chậm.

c) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Quá trình cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2011 – 2015 chịu tác động từ những diễn biến bất lợi của kinh tế thế giới và khu vực, đặc biệt là giai đoạn 2011-2013 là giai đoạn Việt Nam chịu tác động mạnh từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới dẫn tới sự suy giảm của thị trường tài chính, chứng khoán, do đó cũng tác động tiêu cực giảm sức hút thị trường làm chậm tiến độ cổ phần hóa.

+ Đối tượng sắp xếp, cổ phần hóa trong giai đoạn 2011 - 2015 hầu hết là các doanh nghiệp có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, kinh doanh đa ngành nghề, tài chính phức tạp nên cần có nhiều thời gian chuẩn bị, xử lý. Mặt khác, việc thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn cần sự tham gia của nhiều nhà đầu tư lớn, có tiềm lực tài chính và năng lực quản trị, đầu tư tốt nên cần nhiều thời gian để chuẩn bị.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Thời điểm phê duyệt Đề án tái cơ cấu của một số Bộ, địa phương tại một số đơn vị còn chậm so với yêu cầu.

+ Một số Bộ, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước chưa chỉ đạo quyết liệt và tích cực tổ chức triển khai phương án sắp xếp, cổ phần hóa.

+ Nhiều DNNN cổ phần hóa thuộc đối tượng tham gia thị trường chứng khoán sau IPO đến nay chưa lên sàn tập trung. Điều này có ảnh hưởng không tốt đến niềm tin của nhà đầu tư khi đưa ra quyết định đầu tư cổ phiếu qua đấu giá do e ngại cổ phiếu sau đấu giá khó giao dịch.

+ Nhận thức của một bộ phận cán bộ ở các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp tuy đã có chuyển biến nhưng vẫn còn tư tưởng e ngại, lo lắng về vị trí và vai trò lãnh đạo sau cổ phần hóa, làm ảnh hưởng đến tiến độ của quá trình cổ phần hóa.

4. Định hướng đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN giai đoạn tới

a) Hoàn thiện cơ chế chính sách

Trong giai đoạn 2016-2020, quá trình cổ phần hóa DNNN tiếp tục được Đảng, Chính phủ chỉ đạo triển khai quyết liệt, đối tượng cổ phần hóa tiếp tục

được mở rộng tới các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước lớn đòi hỏi phải có các cơ chế liên quan hướng dẫn phù hợp nhằm xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp, tổ chức định giá sát với giá thị trường, tiếp tục bán cổ phần công khai, minh bạch, gắn quá trình cổ phần hóa với quá trình phát triển của thị trường chứng khoán và thu hút được các nhà đầu tư tham gia mua cổ phần góp phần đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của doanh nghiệp sau cổ phần hóa, hạn chế thất thoát vốn và tài sản Nhà nước trong quá trình cổ phần hóa. Theo đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan xây dựng để ban hành một số cơ chế như:

- Hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020 (thay thế Quyết định 37/2014/QĐ-TTg) theo hướng thu hẹp lĩnh vực nhà nước nắm giữ 100% vốn (Nhà nước chỉ tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014); thực hiện cổ phần hóa toàn bộ các doanh nghiệp còn lại (theo các tỷ lệ Nhà nước nắm giữ trên 65% tổng số cổ phần, từ 50%-65% tổng số cổ phần và dưới 50% tổng số cổ phần của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa), đồng thời ban hành danh sách doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa giai đoạn 2016 - 2020 kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để làm cơ sở cho các đơn vị thực hiện.

- Hoàn thiện cơ chế về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (thay thế Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Nghị định 189/2013/NĐ-CP và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP) làm cơ sở pháp lý để thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn 2016-2020 theo hướng phù hợp với đối tượng cổ phần hóa và yêu cầu giai đoạn mới như: Xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính, công nợ, lao động của các doanh nghiệp cổ phần hóa; bổ sung áp dụng phương thức bán cổ phần lần đầu (phương thức dựng sổ) phù hợp với thông lệ quốc tế; quy định rõ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, điều chỉnh phương thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược cho phù hợp với giá bán cho nhà đầu tư chiến lược không thấp hơn giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá công khai; Tiếp tục hướng dẫn việc sắp xếp, xác định giá trị quyền sử dụng đất trong doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; điều chỉnh chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo hướng quy định rõ người lao động chỉ phải thanh toán 60% giá trị một cổ phần mua ưu đãi tính theo mệnh giá; quy định rõ và quản lý chặt chẽ tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp;

tăng cường sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan có liên quan thông qua việc bổ sung đối tượng phải thực hiện Kiểm toán Nhà nước trước khi công bố giá trị doanh nghiệp; tiếp tục gắn kết quá trình cổ phần hóa với việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đảm bảo cho các nhà đầu tư sau khi mua cổ phần lần đầu sẽ được thực hiện giao dịch trên thị trường; quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức cá nhân tham gia trong quá trình cổ phần hóa.

- Hoàn thiện cơ chế về hoạt động của doanh nghiệp nhà nước (thay thế Nghị định 172/2013/NĐ-CP về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH 1TV do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty TNHH 1TV là công ty con của công ty TNHH 1TV do Nhà nước làm chủ sở hữu; Nghị định 69/2014/NĐ-CP về Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty nhà nước; Quyết định 35/2013/QĐ-TTg ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định 128/2014/NĐ-CP về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) để thực hiện sắp xếp, tăng cường minh bạch báo cáo tài chính, thông tin tài chính, kinh doanh, điều hành Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước; tăng cường trách nhiệm của Hội đồng thành viên và Ban điều hành và xử lý trách nhiệm nếu không thực hiện đúng quy định. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước đối với các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (thay thế Nghị định 99/2012/NĐ-CP). Thành lập cơ quan quản lý để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, quản lý sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn và đánh giá hiệu quả vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Đồng thời có cơ chế, chế tài để các tổ chức, cá nhân thực hiện có hiệu quả các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ được phân công, phân cấp.

b) Tổ chức thực hiện

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo các Nghị quyết của Trung ương Đảng tạo sự nhất trí cao trong toàn hệ thống chính trị để nâng cao hơn nữa nhận thức và có hành động quyết liệt, cụ thể trong thực hiện.

- Tăng cường thông tin, đẩy mạnh việc minh bạch, công khai hóa thông tin về quá trình cổ phần hóa. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với quá trình cổ phần hóa các DNNN.

- Cơ quan đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp đã cổ phần hóa thông qua người đại diện đơn đốc các doanh nghiệp đã cổ phần hóa thực hiện nghiêm quy định về đăng ký lưu ký, đăng ký giao dịch, đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định. Đồng thời nghiêm túc thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp đã cổ phần hóa về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước theo đúng quy định.

- Tăng cường trách nhiệm của lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trong việc thực hiện phương án cổ phần hóa các doanh nghiệp đã được phê duyệt; coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần tập trung chỉ đạo hoàn thành theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Xử lý nghiêm đối với lãnh đạo doanh nghiệp không thực hiện hoặc không thực hiện có hiệu quả công tác cổ phần hóa doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo của Chính phủ về tình hình cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2011 - 2015 và 9 tháng 2016, giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN giai đoạn tới, Chính phủ xin báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu Quốc hội;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp;
- Bộ Tài chính;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- các Vụ: KTTH, TH, V.III, TKBT;
- Lưu: VT, ĐMDN (100b).

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

(đã ký)

Đinh Tiến Dũng